

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Sửu

2. Ông Nguyễn Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh V (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 03/10/2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Dương Thị T kết hôn ngày 26/9/2019, trước khi cưới có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V. Kết hôn xong, chị T về sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 04/2020, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã X, huyện L, tỉnh V và

vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng có hòa giải, dàn xếp nhưng không thành. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Dương Thị T.

Con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh N xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết

Bị đơn là chị Dương Thị T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022, chị T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như anh N trình bày là đúng. Kết hôn xong chị về chung sống cùng gia đình anh N được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị với mẹ đẻ của anh N nên gia đình anh N đã đuổi chị về nhà bố mẹ đẻ chị vào đầu năm 2020 và kể từ đó cho đến nay vợ chồng chị ly thân nhau, không dàn xếp gì. Nay anh N xin ly hôn không trao đổi gì với chị và chị cũng không ký vào đơn ly hôn nên việc anh N xin ly hôn chị thì để anh N tự giải quyết, chị không đến Tòa án làm việc và cũng không ký nhận vào bất kỳ văn bản, giấy tờ gì của Tòa án.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chị Dương Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Dương Thị T. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên xác định không có và không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “*Ly hôn*,”. Bị

đơn trong vụ án là chị Dương Thị T có địa chỉ cư trú tại xã X, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn chị Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là chị Dương Thị T nhưng chị Dương Thị T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Dương Thị T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa con dâu với mẹ chồng, các bên không bảo ban được nhau, không quan tâm chăm sóc nhau và vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 04/2020 cho đến nay. Anh N xác định vợ chồng không còn tình cảm, xin được ly hôn chị T; còn chị T không thể hiện quan điểm.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị T đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau và có thời gian ly thân từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay nên làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc anh N xin ly hôn nhưng chị T cố tình vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch đã trực tiếp đến tại nhà chị T để làm việc, quan điểm của chị T là do anh N xin ly hôn không trao đổi gì với chị, chị không ký vào đơn ly hôn nên việc xin ly hôn để anh N tự giải quyết, chị không đến Tòa án làm việc, không ký vào bất kỳ văn bản, giấy tờ gì. Điều đó, thể hiện chị T không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của anh N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Dương Thị T.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006401 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga